TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2018
V/v tranh chấp *"Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Ngọc H** ;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Văn U;**

2. Ông **Phan Trọng N ;**

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kiều O - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B: Ông Trần Thanh B – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2018/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp "Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2018/QĐST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Ngọc Hu** , sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp Tân Th , xã Tân P, huyện A, tỉnh B

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T** , sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Tân T1, huyện A, tỉnh B

(Chị H có mặt, anh Th có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc H trình bày:***

Chị và anh T quen nhau năm năm, tổ chức lễ cưới vào tháng 01/2015, giữa chị và anh Thắng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do công việc của chị hay đi sớm về trễ, anh T thường xuyên chửi bới tôi, đi chơi đến khuya mới về, không lo làm ăn, không

tôn trọng chị. Vào khoảng đầu tháng 3/2018, anh T tiếp tục đi chơi về khuya, nên chị có xin má chồng về nhà cha mẹ ruột chơi vài bữa rồi về, nhưng chị mới về chơi có một bữa thì anh T xuống nhà chửi bới, xúc phạm chị và gia đình chị. Ngoài ra, anh T còn xuống chỗ chị làm việc quấy rối chị. Nay tình cảm vợ chồng anh chị đã không còn nữa, chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh T là vợ chồng, do anh chị không có đăng ký kết hôn.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T có đơn xin vắng mặt nhưng quá trình tố tụng anh Thẳng trình bày:***

Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian quen biết, tổ chức lễ cưới, thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn. Anh thống nhất những mâu thuẫn như chị H trình bày. Tuy nhiên, anh không có quấy rối, chửi bới chị H như chị H đã trình bày. Anh muốn chị H quay về nhà chung sống với anh như trước đây.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do anh bận đi làm, Tòa án xét xử như thế nào thì tùy, anh T không có ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh T xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của nguyên đơn. Về hôn nhân: Không công nhận chị Huyền và anh Thẳng là vợ chồng. Về con chung: không có nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xác định quan hệ các bên đang tranh chấp là: "*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng"* cần được xem xét, giải quyết theo Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Xét bị đơn anh Nguyễn Văn T có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T .

[3] Xét yêu cầu không công nhận vợ chồng của chị Phạm Thị Ngọc H : Chị và anh T quen nhau năm năm, tổ chức lễ cưới vào tháng 01/2015, giữa chị và anh T không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Theo biên bản xác minh ngày

09 tháng 5 năm 2018 thì ông Phạm Hoàng N1 là công chức Tư pháp xã Tân T1, huyện A, tỉnh B xác định anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị Ngọc H không có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Tân T1, huyện A tỉnh B. Theo giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã Tân P , huyện , tỉnh A thì chị Phạm Thị Ngọc H có sống chung như vợ chồng với anh Nguyễn Văn T từ tháng 01/2015 đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn. Do đó, yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của chị H là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các bên có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147, Điều 228, Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc H .

1. Về tình cảm: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với chị Phạm Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn T .

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 48788 ngày 05/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, nên coi như chị H đã thi hành xong phần án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Ngọc Hải